

Bản án số: 825/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn An Q, sinh năm: 1972; địa chỉ: 91 đường 490, ấp 2, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị H, sinh năm: 1970; địa chỉ: 91 đường 490, ấp 2, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 22/7/2020 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Nguyễn An Q trình bày: Ông và bà Lý Thị H tự nguyện sống chung vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 26 ngày 26/7/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống thuận hòa, hạnh phúc, một thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H ham mê cờ bạc, gây nợ nần và bà H thường xuyên xúc phạm mẹ ông. Năm 2019 ông đã nộp đơn xin ly hôn và Tòa án ban hành Bản án số: 785/2019/HN-ST ngày 17/7/2019, quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Tuy nhiên sau đó ông và bà H vẫn không hàn

gắn được, do vậy ông tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày: 20/6/2002 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày: 13/10/2004. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Thu N, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Tuân thủ các quy định về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, về xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thủ tục cấp, tổng đạt và đảm bảo thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 68, 177, 178, 179, 207, 211 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn 22/7/2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp 2, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Nguyễn An Q và bà Lý Thị H tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 26 ngày 26/7/2002, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, Nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, cụ thể bà H ham mê cờ bạc, gây nợ nần và bà H thường xuyên xúc phạm mẹ ông. Do vậy đến năm 2019 ông đã nộp đơn xin ly hôn và đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án số: 785/2019/HN-ST ngày 17/7/2019, theo quyết định của Bản án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Tuy nhiên sau đó thì bà H vẫn không sửa đổi và hai bên vẫn không hàn gắn được, do vậy ông tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng, đồng thời đây là lần thứ 2 ông Q nộp đơn yêu cầu ly hôn, thể hiện ý chí cương quyết ly hôn, không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn An Q và bà Lý Thị H là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định trong quá trình sống chung, ông và bà H có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày: 20/6/2002 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày: 13/10/2004. Tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, ông Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Thu N. Hội đồng xét xử xét thấy tại Bản tự khai ngày 15/11/2021 của cháu Nguyễn Thị Thu N thể hiện trẻ đang sống chung với ông Q và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Thu N cho ông Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, ông Q xác định không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của ông Q, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Từ nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn An Q.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn An Q và bà Lý Thị H.

(Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn An Q và bà Lý Thị H được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 26 ngày 26/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày: 13/10/2004 cho ông Nguyễn An Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc ông Nguyễn An Q phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0084653 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông Q đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên

toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ